



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Sứ Trẻ (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Sứ Trẻ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103005276 ngày 12 tháng 09 năm 2006 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 02 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	Chủ tịch
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên
Ông Hoàng Đức Trung	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH NHƯỢNG TỔNG



Số: 15.422/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Sứ Trẻ (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 05 năm 2015 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Sứ Trẻ vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0425-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ NAM ĐÔNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2567-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.003.624.156	31.618.634.882
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.056.415.281	5.852.637.403
1. Tiền	111		314.690.281	5.852.637.403
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.741.725.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	28.860.160.536	16.589.551.419
1. Phải thu khách hàng	131		9.332.155.241	4.264.175.538
2. Trả trước cho người bán	132		2.173.621.907	294.094.702
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		17.354.383.388	12.031.281.179
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	6.038.607.039	3.247.746.638
1. Hàng tồn kho	141		6.516.152.494	3.247.746.638
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(477.545.455)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.048.441.300	5.928.699.422
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		820.371.774	1.171.195.691
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.622.419.076	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	152.553.616
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	5.605.650.450	4.604.950.115

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		149.319.892.177	79.146.912.356
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		45.953.050.293	14.390.135.909
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	2.497.969.048	2.603.720.894
+ Nguyên giá	222		4.042.981.412	3.603.481.412
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.545.012.364)	(999.760.518)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.6	2.295.741.346	2.319.651.550
+ Nguyên giá	228		2.524.382.154	2.489.382.154
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(228.640.808)	(169.730.604)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	41.159.339.899	9.466.763.465
III. Bất động sản đầu tư	240	5.8	4.500.000.000	4.500.000.000
+ Nguyên giá	241		4.500.000.000	4.500.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	83.374.667.514	55.628.157.514
1. Đầu tư vào công ty con	251		65.623.998.502	55.377.488.502
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		400.000.000	400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		17.500.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(149.330.988)	(149.330.988)
V. Tài sản dài hạn khác	260		15.492.174.370	4.628.618.933
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	13.796.455.733	4.497.396.116
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.9	151.112.817	46.052.817
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.544.605.820	85.170.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		200.323.516.333	110.765.547.238

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRÉ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		137.401.748.478	62.665.752.190
I. Nợ ngắn hạn	310		122.342.096.478	32.606.100.190
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	16.921.401.000	9.683.837.316
2. Phải trả người bán	312	5.12	40.287.900.754	5.107.235.192
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	2.139.783.705	16.506.800
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	2.994.609.326	1.098.530.277
5. Phải trả người lao động	315		397.471.341	926.257.394
6. Chi phí phải trả	316	5.14	2.200.103.139	2.285.698.539
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	55.507.897.559	12.963.034.672
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.892.929.654	525.000.000
II. Nợ dài hạn	330		15.059.652.000	30.059.652.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		59.652.000	59.652.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	15.000.000.000	30.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.921.767.855	48.099.795.048
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17.1	62.921.767.855	48.099.795.048
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		65.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115.560.000	115.560.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.920.000.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		726.207.855	2.984.235.048
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		200.323.516.333	110.765.547.238

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, hàng viện trợ		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP



TRẦN THỊ LÀO
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2015

NGƯỜI DUYỆT



NGUYỄN ANH NHƯƠNG TÙNG
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRÈ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

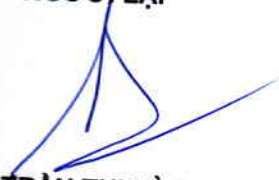
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		110.007.124.544	28.743.385.367
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.270.778.268	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	106.736.346.276	28.743.385.367
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	68.013.945.917	13.760.877.250
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.722.400.359	14.982.508.117
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	19.675.395.004	130.971.963
7. Chi phí tài chính	22	6.4	4.216.374.899	1.763.958.890
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		4.089.576.495	1.648.575.647
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	3.929.417.003	2.237.415.693
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	21.720.172.538	8.153.827.315
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.531.830.923	2.958.278.182
11. Thu nhập khác	31	6.7	9.467.213.465	1.000.000
12. Chi phí khác	32	6.7	9.807.024.677	606.442.148
13. Lợi nhuận khác	40		(339.811.212)	(605.442.148)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.192.019.711	2.352.836.034
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	2.162.177.250	798.607.051
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	(105.060.000)	138.502.657
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.134.902.461	1.415.726.326
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	5.17.3	4.354	431

NGƯỜI LẬP



TRẦN THỊ LÀO
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2015

NGƯỜI DUYỆT




NGUYỄN ANH NHƯỢNG TÔNG
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRÉ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.192.019.711	2.352.836.034
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		604.162.050	503.786.152
Các khoản dự phòng	03		477.545.455	(1.760.000.000)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	54.052.691
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.675.395.004)	(110.847.440)
Chi phí lãi vay	06		4.089.576.495	1.648.575.647
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		13.687.908.707	2.688.403.084
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.741.174.912)	(16.214.896.081)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.268.405.856)	(3.247.746.638)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		74.982.465.148	2.225.144.561
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(8.948.235.700)	(4.978.808.399)
Tiền lãi vay đã trả	13		(628.715.943)	(55.278.669)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(1.593.963.519)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	21.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.459.435.820)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		57.624.405.624	(21.156.145.661)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(32.167.076.434)	(1.495.110.910)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(17.500.000.000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(10.246.510.000)	(14.065.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.675.395.004	130.971.963
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(40.238.191.430)	(15.429.138.947)

(Phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

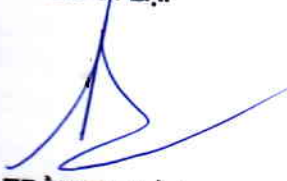
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		(2.920.000.000)	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		35.216.505.465	43.136.784.625
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(42.978.941.781)	(7.675.100.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.182.436.316)	35.461.684.625
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		203.777.878	(1.123.599.983)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.852.637.403	6.976.237.386
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		6.056.415.281	5.852.637.403

NGƯỜI LẬP


TRẦN THỊ LÀO
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2015

NGƯỜI DUYỆT




NGUYỄN ÁNH NHƯ QUỲN TỔNG
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Sứ Trẻ (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005276 ngày 12 tháng 09 năm 2006 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 02 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 16 là 100.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các Công ty con như sau:

Tên	Ngành nghề	Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty	
			31/12/2014	01/01/2014
Công ty con:				
Công ty Cổ phần Công Nghệ Đại Sứ Trẻ	Dịch vụ giải trí	10	99%	99%
Công ty Cổ phần Giải Trí Đại Sứ Trẻ	Dịch vụ giải trí	30	99%	99%
Công ty Cổ phần Phát Triển Thương Hiệu Đại Sứ Trẻ	Dịch vụ giải trí	4	90%	90%
Công ty Cổ phần Giải trí Rõng	Dịch vụ giải trí	10	99%	99%
Công ty Cổ phần NVU	Dịch vụ giải trí	18	77,78%	77,78%
Công ty Cổ phần DV TM Việt Nam Trực Tuyến	Dịch vụ giải trí	50	80%	80%
Công ty Cổ phần Thương Mại Thế Giới Film	Dịch vụ giải trí	15	72,75%	51%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 96 (31/12/2013: 76).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Quảng cáo thương mại;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (thiết kế trang web, thiết kế tạo mẫu);
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí;
- Tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại;
- Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình;
- Hoạt động viễn thông khác.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

4.4. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí phát sinh của các chương trình truyền hình và bản quyền phim chưa phát hành.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

4.5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

khai thác dịch vụ truyền thông. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Phương tiện vận tải truyền dẫn

+ Thiết bị, dụng cụ quản lý

Năm 2014

06 – 10 năm

03 – 05 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Thương hiệu

Thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

4.8. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9. Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu quảng cáo qua các phương tiện thông tin được ghi nhận khi các chương trình quảng cáo xuất hiện trước công chúng. Doanh thu được ghi nhận theo từng kỳ của chương trình.

4.14. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.15. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.16. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRÉ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	226.688.547	217.952.191
Tiền gửi ngân hàng	88.001.734	5.634.685.212
Các khoản tương đương tiền	5.741.725.000	-
Tổng cộng	6.056.415.281	5.852.637.403

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 tháng với lãi suất là từ 5% đến 5,5%/năm được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.11.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	9.332.155.241	4.264.175.538
Trả trước cho người bán	2.173.621.907	294.094.702
Các khoản phải thu khác	17.354.383.388	12.031.281.179
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	28.860.160.536	16.589.551.419
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	28.860.160.536	16.589.551.419

Phải thu khách hàng bao gồm:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	3.838.456.608
Phải thu khách hàng khác	9.332.155.241	425.718.930
Cộng	9.332.155.241	4.264.175.538

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu về ủy quyền khai thác kênh truyền hình và quảng cáo. Trong đó, một phần khoản phải thu với Công ty TNHH Truyền Thông WPP và Công ty Liên doanh TNHH Saatchi & Saatchi Việt Nam được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.11.

Phải thu khác bao gồm:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu các bên liên quan – Xem thêm mục 7	5.888.782.522	10.948.647.900
Phải thu khác	11.465.600.866	1.082.633.279
Cộng	17.354.383.388	12.031.281.179

Phải thu các bên liên quan chủ yếu là phải thu cổ tức được nhận từ các công ty con và khoản tiền cho công ty con mượn để hoạt động kinh doanh.
Phải thu khác chủ yếu là các khoản đền bù thiệt hại của nhân viên Công ty do các dự án của Công ty không thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	VND Đầu năm
Chương trình truyền hình đang sản xuất	2.134.367.562	3.207.746.638
Chương trình truyền hình thành phẩm	2.789.966.750	-
Bản quyền phim	-	40.000.000
Hàng hóa nhận được từ doanh thu quảng cáo	1.591.818.182	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	6.516.152.494	3.247.746.638
Dự phòng giảm giá hàng hóa	(477.545.455)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	6.038.607.039	3.247.746.638

Giá trị trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 477.545.455 VND do hàng hóa nhận được từ doanh thu quảng cáo có giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc.

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản tiền tạm ứng cho nhân viên làm chương trình truyền hình.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND		
	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.139.273.637	464.207.775	3.603.481.412
Mua trong năm	-	439.500.000	439.500.000
Số dư cuối năm	3.139.273.637	903.707.775	4.042.981.412
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	806.237.260	193.523.258	999.760.518
Khấu hao trong năm	358.580.104	186.671.742	545.251.846
Số dư cuối năm	1.164.817.364	380.195.000	1.545.012.364
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	2.333.036.377	270.684.517	2.603.720.894
Tại ngày cuối năm	2.413.956.273	523.512.775	2.497.969.048

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Giải Trí Đại sứ Trẻ - Công ty có liên quan với số tiền là 1.769.801.174 VND.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 119.192.320 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRÉ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	VND	
Khoản mục	Bản quyền	
Nguyên giá		
Số dư đầu năm		2.489.382.154
Mua trong năm		35.000.000
Số dư cuối năm		2.524.382.154
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm		169.730.604
Khấu hao trong năm		58.910.204
Số dư cuối năm		228.640.808
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm		2.319.651.550
Tại ngày cuối năm		2.295.741.346

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thương hiệu Website Mua đi	-	48.000.000
Xây dựng Website Yeah1 City	-	1.977.217.973
Đầu tư dự án Find me	-	3.468.147.884
Dự án IPTV	-	3.973.397.608
Dự án phát sóng trên VTVcab	27.272.727.264	-
Dự án tiếp sóng kênh Yeah1 Family	13.636.363.635	-
Các dự án khác	250.249.000 ^a	-
Tổng cộng	41.159.339.899	9.466.763.465

5.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn tại Ấp Suối Cát, Xã Thanh Tuyên, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương. Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giá trị quyền sử dụng đất là tài sản của Công ty. Tuy nhiên, Công ty ủy quyền cho Ông Đào Phúc Trí đứng tên chủ sở hữu theo biên bản họp Hội Đồng Quản Trị. Hiện thủ tục chuyển nhượng lại cho Công ty vẫn chưa hoàn tất. Bất động sản đầu tư được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.11.

5.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	65.623.998.502	55.377.488.502
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	400.000.000	400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	17.500.000.000	-
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	83.523.998.502	55.777.488.502
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(149.330.988)	(149.330.988)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	83.374.667.514	55.628.157.514

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	
		Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Công Nghệ Đại sứ Trẻ	9.900.000.000	1.840.427.900	1.840.427.900
Công ty Cổ phần Giải Trí Đại sứ Trẻ	29.700.000.000	29.700.000.000	29.700.000.000
Công ty Cổ phần Phát Triển Thương Hiệu Đại sứ Trẻ	3.600.000.000	2.334.126.249	2.145.126.249
Công ty Cổ phần Giải trí Rỗng	9.900.000.000	9.900.000.000	5.705.490.000
Công ty Cổ phần NVU	14.000.000.000	3.410.000.000	1.201.000.000
Công ty Cổ phần DV TM Việt Nam Trực Tuyến	40.000.000.000	7.135.444.353	7.135.444.353
Công ty Cổ phần Thương Mại Thế Giới Film	7.650.000.000	11.304.000.000	7.650.000.000
Tổng cộng		65.623.998.502	55.377.488.502

Đầu tư vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	
		Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Tin Học và Truyền Thông Kết Nối Trẻ	400.000.000	400.000.000	400.000.000

Đầu tư dài hạn khác là khoản hợp tác đầu tư xây dựng Dự án Hùng Vương Square.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tin Học và Truyền Thông Kết Nối Trẻ.

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.004.247.944	601.292.221
Chi phí khai thác dịch vụ truyền thông trên kênh VTC4	7.792.207.789	3.896.103.895
Tổng cộng	13.796.455.733	4.497.396.116

5.11. Vay và nợ ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	15.000.001.000	-
Vay cá nhân	-	700.000.000
Vay DFJ Vinacapital Venture Investment Ltd – Xem thêm mục 7	-	7.062.437.316
Vay bên liên quan – Xem thêm mục 7	1.921.400.000	1.921.400.000
Tổng cộng	16.921.401.000	9.683.837.316

Vay ngân hàng có thời hạn từ 06 đến 12 tháng và chịu lãi suất từ 8,5% đến 10%/năm. Các khoản vay này được bảo đảm bằng thư bảo lãnh của các cổ đông của Công ty và được thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi ngân hàng, quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH Truyền Thông WPP và Công ty Liên Doanh TNHH Saatchi & Saatchi Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nam, quyền sử dụng đất (thửa đất số 826, 828) tại ấp Suối Cát, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương – Xem thêm mục 5.1, 5.2 và 5.8.

Vay bên liên quan là khoản vay từ Công ty con chịu lãi suất từ 10%/năm.

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	40.287.900.754	5.107.235.192
Người mua trả tiền trước	2.139.783.705	16.506.800
Tổng cộng	42.427.684.459	5.123.741.992

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, khoản phải trả cho các bên liên quan là 33.801.233.847 VND (tại 01/01/2014 là 1.207.280.000 VND) – Xem thêm mục 7.

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	217.244.275	300.704.507
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.162.177.250	797.825.770
Thuế thu nhập cá nhân	615.187.801	-
Tổng cộng	2.994.609.326	1.098.530.277

5.14. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí lãi vay	627.836.248	1.471.336.077
Lượng tháng 13	-	479.762.416
Khác	1.572.266.891	334.600.046
Tổng cộng	2.200.103.139*	2.285.698.539

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	31.628.640	21.894.270
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp	39.570.049	43.735.061
Phải trả bên liên quan – Xem thêm mục 7	50.555.436.056	12.276.636.215
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.881.262.814	620.769.126
Tổng cộng	55.507.897.559	12.963.034.672

Phải trả bên liên quan chủ yếu là các khoản mượn tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.16. Vay và nợ dài hạn

Là giá trị của 15.000 trái phiếu mà Công ty phát hành cho DFJ Vinacapital Venture Investment Ltd với lãi suất cố định 10%/năm. Trái phiếu này được đảm bảo bằng toàn bộ phần của một số cổ đông tại Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Sứ Trẻ – Xem thêm mục 7.

5.17. Vốn chủ sở hữu
5.17.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	VND Cộng
Số dư đầu năm trước	30.659.740.000	115.560.000	-	16.433.768.722	47.209.068.722
Tăng vốn trong năm trước	14.340.260.000	-	-	(14.340.260.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	1.415.726.326	1.415.726.326
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(525.000.000)	(525.000.000)
Số dư đầu năm nay	45.000.000.000	115.560.000	-	2.984.235.048	48.099.795.048
Tăng vốn năm nay	20.000.000.000	-	-	(20.000.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	26.134.902.461	26.134.902.461
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.892.929.654)	(1.892.929.654)
Chia cổ tức	-	-	-	(6.500.000.000)	(6.500.000.000)
Khác	-	-	(2.920.000.000)	-	(2.920.000.000)
Số dư cuối năm nay	65.000.000.000	115.560.000	(2.920.000.000)	726.207.855	62.921.767.855

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.17.2. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	6.500.000	4.500.000
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra		
+ Cổ phần ưu đãi	2.268.735	1.070.136
+ Cổ phần phổ thông	4.231.265	3.429.864
▪ Số lượng cổ phần được mua lại		
+ Cổ phần phổ thông	116.800	-
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành		
+ Cổ phần ưu đãi	2.151.935	1.070.136
+ Cổ phần phổ thông	4.231.265	3.429.864
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.17.3. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	26.134.902.461	1.415.726.326
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	6.002.960	3.285.989
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	4.354	431

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ quảng cáo	85.700.715.081	3.973.534.865
Doanh thu từ nhượng quyền khai thác chương trình cho công ty con – Xem thêm mục 7	23.963.636.359*	24.436.363.632
Doanh thu từ dịch vụ quản lý – Xem thêm mục 7	327.927.276	315.927.273
Khác	14.845.828	17.559.597
Giảm giá hàng bán	(1.085.999.873)	-
Chiết khấu thương mại	(2.184.778.395)	-
Doanh thu thuần	106.736.346.276	28.743.385.367

(Phần tiếp theo trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê kênh	12.825.000.010	10.105.000.004
Chi phí hợp tác sản xuất chương trình	-	3.520.090.910
Giá vốn chương trình phát sóng trên kênh Yeah1TV	16.471.178.423	-
Giá vốn phim phát sóng trên kênh Yeah1 TV	5.818.372.857	-
Phí quảng cáo VTVcab trên kênh BTV4 và VTC4	27.877.434.546	-
Phí truyền dẫn kênh VTVcab17 - Yeah1TV trên HTV	454.545.454	-
Phí thiết kế website yeah1.com	3.460.000.000	-
Khác	629.869.172	135.786.336
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	477.545.455	-
Tổng cộng	68.013.945.917	13.760.877.250

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	206.168.004	130.971.963
Cổ tức nhận được từ các công ty con	19.469.227.000	-
Tổng cộng	19.675.395.004	130.971.963

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.089.576.495	1.648.575.647
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.201.404	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	54.052.691
Lãi thấu chi	98.597.000	20.948.061
Chi phí tài chính khác	-	40.382.491
Tổng cộng	4.216.374.899	1.763.958.890

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao TSCĐ	323.526.978	253.653.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.605.890.025	48.970.000
Chi phí bằng tiền khác	-	1.934.791.935
Tổng cộng	3.929.417.003	2.237.415.693

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRÉ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.261.707.325	3.104.537.293
Chi phí vật liệu quản lý	550.000	550.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	183.426.782	80.749.927
Chi phí khấu hao TSCĐ	280.635.072	249.834.667
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.965.362.569	4.579.437.074
Chi phí bằng tiền khác	25.490.790	135.718.354
Tổng cộng	21.720.172.538	8.153.827.315

6.7. Thu nhập khác và chi phí khác

Chủ yếu là thu nhập và chi phí liên quan đến việc đền bù thiệt hại của nhân viên Công ty do các dự án của Công ty không thực hiện được.

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	28.192.019.711	2.352.836.034
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.165.285.699	900.683.077
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(60.000.000)	(59.090.909)
Doanh thu không chịu thuế	(19.469.227.000)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	9.828.078.410	3.194.428.202
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	2.162.177.250	798.607.051

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	VND		
	Chi phí trích trước	Dự phòng	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	(14.772.727)	(169.782.747)	(184.555.474)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	1.572.727	136.929.930	138.502.657
Số dư đầu năm nay	(13.200.000)	(32.852.817)	(46.052.817)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	-	(105.060.000)	(105.060.000)
Số dư cuối năm nay	(13.200.000)	(137.912.817)	(151.112.817)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

Danh sách các bên liên quan

	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Giải Trí Đại sứ Trẻ	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Công Nghệ Đại sứ Trẻ	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Phát Triển Thương Hiệu Đại sứ Trẻ	Công ty con
4. Công ty Cổ phần Giải trí Ròng	Công ty con
5. Công ty Cổ phần NVU	Công ty con
6. Công ty Cổ phần DV TM Việt Nam Trực Tuyến	Công ty con
7. Công ty Cổ phần Thương Mại Thế Giới Film	Công ty con
8. Công ty Cổ phần Tin Học và Truyền Thông Kết Nối Trẻ	Công ty liên kết
9. DFJ Vinacapital Venture Investment Ltd	Bên góp vốn
10. Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	Tổng Giám đốc
11. Ông Đào Phúc Trí	Cổ đông

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khác - Xem thêm mục 5.2		
Công ty Cổ phần Phát Triển Thương Hiệu Đại sứ Trẻ	1.541.417.961	-
Công ty Cổ phần Giải Trí Ròng	892.111.603	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Thế Giới Film	1.186.428.250	-
Công ty Cổ phần NVU	1.642.502.000	-
Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	610.908.483	-
Đào Phúc Trí	15.414.225	10.948.647.900
Cộng	5.888.782.522	10.948.647.900
		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Vay - Xem thêm mục 5.11 & 5.16		
DFJ Vinacapital Venture Investment Ltd	15.000.000.000	37.062.437.316
Công Ty Cổ phần DV TM Việt Nam Trực Tuyến	1.921.400.000	1.921.400.000
Cộng	16.921.400.000	38.983.837.316
		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán - Xem thêm mục 5.12		
Công ty Cổ phần Giải Trí Ròng	17.257.260.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Thế Giới Film	2.996.870.501	-
Công ty Cổ phần DV TM Việt Nam Trực Tuyến	139.185.346	-
Công ty Cổ phần Giải Trí Đại sứ Trẻ	13.407.918.000	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Đại sứ Trẻ	-	1.207.280.000
Cộng	33.801.233.847	1.207.280.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả khác - Xem thêm mục 5.15		
Công ty Cổ phần Phát Triển Thương Hiệu Đại Sứ Trẻ.	-	20.000.000
Công ty Cổ phần Giải Trí Rộng	-	3.627.302.551
Công ty Cổ phần DV TM Việt Nam Trực Tuyến	3.192.140.003	3.000.000.000
Cty Cổ phần NVU	-	150.000.000
Công ty Cổ phần Giải Trí Đại Sứ Trẻ	47.363.296.053	5.479.333.664
Cộng	50.555.436.056	12.276.636.215

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu nhượng quyền khai thác chương trình - Xem thêm mục 6.1		
Công ty Cổ phần Phát Triển Thương Hiệu Đại Sứ Trẻ.	-	4.800.000.000
Công ty Cổ phần Giải Trí Đại Sứ Trẻ	23.963.636.359	19.636.363.632
Cộng	23.963.636.359	24.436.363.632

		VND
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ dịch vụ quản lý - Xem thêm mục 6.1		
Công ty Cổ phần DV TM Việt Nam Trực Tuyến	140.727.276	140.727.273
Công ty Cổ phần Công Nghệ Đại Sứ Trẻ	175.200.000	175.200.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Thế Giới Film	12.000.000	-
Cộng	327.927.276	315.927.273

		VND
	Năm nay	Năm trước
Phí sử dụng dịch vụ		
Công ty Cổ phần Giải trí Rộng	15.688.418.182	-
Công ty Cổ phần Giải Trí Đại Sứ Trẻ	12.189.016.364	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Thế Giới Film	5.860.805.238	-
Công ty Cổ phần Phát Triển Thương Hiệu Đại Sứ Trẻ.	3.460.000.000	-
Công ty Cổ phần DV TM Việt Nam Trực Tuyến	593.393.851	-
Cộng	37.791.633.635	-

		VND
	Năm nay	Năm trước
Nhận nợ vay trong năm		
DFJ Vinacapital Venture Investment Ltd	-	37.008.384.625
Công ty Cổ phần DV TM Việt Nam Trực Tuyến	-	4.328.000.000
Cộng	-	41.336.384.625

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRÉ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Trả nợ vay trong năm		
DFJ Vinacapital Venture Investment Ltd	22.062.437.316	3.988.100.000
Công ty Cổ phần DV TM Việt Nam Trực Tuyến	-	2.407.000.000
Cộng	22.062.437.316	6.395.100.000

- Thu nhập của Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Tổng Giám đốc	743.000.000	579.798.550

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.056.415.281	5.852.637.403
Phải thu khách hàng	9.332.155.241	4.264.175.538
Tài sản tài chính khác	1.454.435.820	-
Tổng cộng	16.843.006.342	10.116.812.941
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	31.921.401.000	39.683.837.316
Phải trả người bán	40.287.900.754	5.107.235.192
Chi phí phải trả	2.200.103.139	1.805.936.123
Công nợ tài chính khác	59.652.000	59.652.000
Tổng cộng	74.469.056.893	46.656.660.631

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

	VND		
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	40.287.900.754	-	40.287.900.754
Chi phí phải trả	2.200.103.139	-	2.200.103.139
Các khoản vay	16.921.401.000	15.000.000.000	31.921.401.000
Công nợ tài chính khác	-	59.652.000	59.652.000
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	5.107.235.192	-	5.107.235.192
Chi phí phải trả	1.805.936.123	-	1.805.936.123
Các khoản vay	9.683.837.316	30.000.000.000	39.683.837.316
Công nợ tài chính khác	-	59.652.000	59.652.000

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

			VND
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	9.332.155.241	-	9.332.155.241
Tài sản tài chính khác	-	1.454.435.820	1.454.435.820
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	4.264.175.538	-	4.264.175.538

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

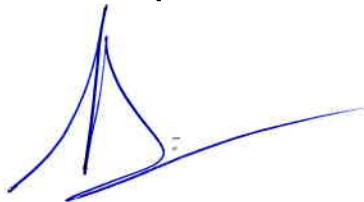
Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592171 ngày 02 tháng 02 năm 2015 của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Sứ Trẻ do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Công Nghệ Đại Sứ Trẻ sáp nhập vào Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Sứ Trẻ. Công ty nhận sáp nhập sẽ kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Công ty bị sáp nhập.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 22 tháng 05 năm 2015.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2015

NGƯỜI LẬP



TRẦN THỊ LÀO
Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT



NGUYỄN ANH NHƯỢNG TÙNG
Tổng Giám đốc